

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2017

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoài - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ước;
2. Ông Phạm Quang Vinh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tài – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đ, tỉnh LD, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 475/2017/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2017 về tranh chấp “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2017/QĐXXST-DS ngày 20/11/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng N, cư trú tại: 24D Mê Linh, Phường 9, thành phố Đ; Địa chỉ liên lạc: Trường tiểu học NT, đường M, Phường A, thành phố Đ, tỉnh LD.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, cư trú tại: 18/7 ML, Phường X, thành phố Đ, tỉnh LD.

(bà N có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố Đ vào ngày 06/7/2017. Hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa

chỉ: 18/7 ML, Phường X, thành phố Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 02 tuần thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên bạo hành về thể chất và tinh thần. Vợ chồng vẫn đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ông Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thừa nhận quá trình kết hôn và chung sống như bà N trình bày là đúng. Hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa chỉ: 18/7 ML, Phường X, thành phố Đ. Theo ông T thì cuộc sống không hề có mâu thuẫn như bà N trình bày, trong cuộc sống vợ chồng đôi lần có cãi vã nhưng không xảy ra trầm trọng. Ngoài ra ông T cũng khẳng định không hề bạo hành bà N. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho đoàn tụ để vợ chồng xây dựng cuộc sống hạnh phúc.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân thành phố Đ đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự vẫn không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; về nội dung giải quyết vụ án căn cứ Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng N xin ly hôn ông Trần Văn T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không đề cập đến đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Đ ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2017/QĐXXST-DS ngày 20/11/2017; tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa,

nhưng ông Trần Văn T vẫn vắng mặt lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; vì vậy căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đ vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và quá trình kết hôn như bà N, ông T đã trình bày là hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà N cho rằng do thấy ông T một mình nuôi hai con riêng nên mới thương yêu; nhưng vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 tuần thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên bạo hành về thể chất và tinh thần; hiện nay hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự thừa nhận, trước khi kết hôn với nhau thì bà N cũng đã có chồng và ly hôn, ông T cũng từng có vợ và ly hôn; hai bên đều có con riêng. Sau khi kết hôn với nhau, do ghen tuông nên ông T bạo hành với bà N, ông T còn nhấn tin với những lời lẽ xúc phạm danh dự nhân phẩm bà N; các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, thể hiện bà N bị bạo hành và bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm là có thật (bút lục: 15-17); ngoài ra bà N còn cho rằng do sợ ảnh hưởng đến danh dự nên không trình báo chính quyền địa phương, vì vậy chính quyền địa phương không biết mâu thuẫn của vợ chồng bà N. Tại phiên tòa, bà N khẳng định không còn tình cảm gì với ông T. Còn bản thân ông T thừa nhận vợ chồng đã ly thân; tuy mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng; từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, ông T cũng không quan tâm đến bà N. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T thực tế đã xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho bà N và ông T ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không xét đến.

[4] Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N về việc “Xin ly hôn” ông Trần Văn T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn ông Trần Văn T.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001641 ngày 25/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt (bà N đã nộp đủ).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đ;
- Chi cục THADS Tp Đ;
- Các đương sự;
- UBND phường X Tp Đ;
- Bộ phận Dân sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Hoài

